

UBND XÃ ĐẮK KÔI

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025 SAU SẮP XẾP CỦA XÃ ĐẮK KÔI

(Kèm theo Văn bản số /UBND-TH ngày /9/2025 của UBND xã Đắk Kôi)

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025 (sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
A	B									
	Tổng chi ngân sách cấp xã	36.305	-	36.305	15.918	7.861	8.057	52.223	7.861	44.362
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	33.928	-	33.928	14.882	7.521	7.362	48.810	7.521	41.289
1	Chi đầu tư phát triển	-			-			-		
2	Chi thường xuyên	32.253		32.253	14.566	7.449	7.117	46.819	7.449	39.370
	Trong đó:									
a	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	21.377		21.377	88	55	33	21.465	55	21.410
b	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-			-			-		
3	Dự phòng ngân sách	1.675		1.675	316	72	245	1.991	72	1.919
II	Dự toán bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	2.377	-	2.377	1.035	340	695	3.413	340	3.073
1	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	2.243	-	2.243	1.035	340	695	3.279	340	2.939
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.835	-	1.835	-	-	-	1.835	-	1.835
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất theo dự toán trung ương giao chi thực hiện công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký quản lý đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở, đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính và lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	311		311	-		-	311		311
-	Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất giao tăng thu so với dự toán trung ương giao để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chi thị số 1474/CT-TTg ngày 24/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ	1.524		1.524	-		-	1.524		1.524
b	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách nhiệm vụ	409	-	409	1.035	340	695	1.444	340	1.104
-	Hỗ trợ kinh phí (vốn sự nghiệp) dưới ứng Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới theo quy định Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	-		-	200		200	200		200
-	Kinh phí thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ	-		-	158		158	158		158

STT	Nội dung chi	Dự toán cấp huyện chuyển về xã để thực hiện các chức năng nhiệm vụ theo quy định			Dự toán UBND huyện, thị xã, thành phố giao năm 2025 cho các xã trước khi sắp xếp			Dự toán năm 2025 (sau sắp xếp)		
		Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện	Tổng cộng	Kinh phí đã thực hiện	Kinh phí tiếp tục thực hiện
A	B									
-	Kinh phí tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	-		-	4	4	1	4	4	1
-	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	261		261	-		-	261		261
-	Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách cho lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở	148		148	673	337	337	821	337	484
-	Kinh phí hỗ trợ ăn Tết Ất tỵ năm 2025	-		-	-		-	-		-
2	Bổ sung mục tiêu từ ngân sách trung ương	134	-	134	-	-	-	134	-	134
-	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất lúa	134		134	-		-	134		134